

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Sau khi vượt 1,700 không thành công, VN-Index lùi xuống giằng co trong vùng 1,676 – 1,705 trước khi đóng cửa tại mốc 1,685.30 điểm, giảm hơn 10 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Truyền thông. Ở chiều ngược lại, ngành Du lịch & giải trí, Bán lẻ,... có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Chỉ số có thể tiếp tục giằng co quanh vùng đỉnh trong những phiên tới. Thông tin đáng chú ý: trong phiên ngày mai, FTSE công bố báo cáo đánh giá phân loại thị trường. Thông tin này có thể ảnh hưởng đến tâm lý thị trường trong ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 07/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-10.20** điểm, đóng cửa tại **1685.3** điểm. HNX-Index **-1.82** điểm, đóng cửa tại **272.87** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+2.49)**, **LPB (+0.56)**, **VHM (+0.38)**, **VIC (+0.28)**, **SSI (+0.27)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.98)**, **MBB (-0.92)**, **VPB (-0.90)**, **TCB (-0.65)**, **BSR (-0.59)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,990** tỷ đồng, giảm **-22.30%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,716 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 37.75 điểm. Thị trường có **77** mã tăng, 48 mã tham chiếu, **247** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1340.70** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-218.41 tỷ)**, **VRE (-197.49 tỷ)**, **VHM (-180.36 tỷ)**, **SHB (-173.65 tỷ)**, **SSI (-169.17 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-37.24** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.19%**. Các mã diễn biến tích cực:
SSI (+1.37%)
MWG (+0.52%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+0.39%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.10%**. Các mã diễn biến tích cực:
FRT (+4.23%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTD (+3.49%) [\(Link báo cáo\)](#)
LPB (+1.54%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.19%	-1.10%	-0.60%	-0.49%
1 tuần	1.21%	0.75%	1.42%	2.50%
1 tháng	-2.71%	-2.86%	1.10%	3.48%
3 tháng	9.85%	15.32%	17.74%	23.74%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,685.30	272.87	110.24
% 1D	-0.60%	-0.66%	0.99%
GTKL (tỷ VND)	22,990	1,749	349
%1D	-22.30%	-19.57%	-33.21%
GDNN (tỷ VND)	-1340.70	-37.24	-13.83

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	258.24	STB	-218.41
FPT	108.16	VRE	-197.49
GEX	92.84	VHM	-180.36
ACB	32.26	SHB	-173.65
NLG	31.19	SSI	-169.17

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

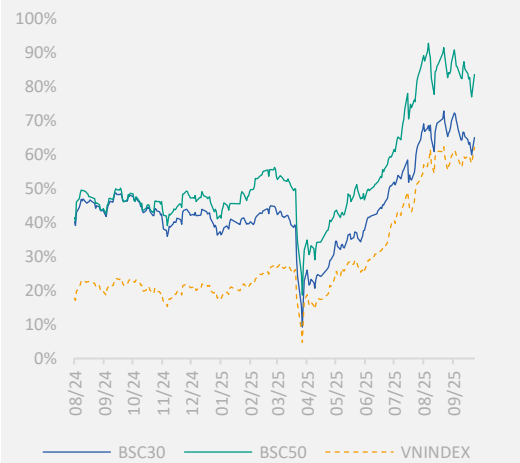
		%D	%W
SPX	6,740	0.36%	1.19%
FTSE100	9,487	0.08%	1.46%
Eurostoxx	5,626	-0.15%	1.95%
Shanghai	3,883	0.52%	1.59%
Nikkei	47,951	0.01%	6.90%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.38	-0.22%
Giá vàng	3,951	-0.83%
Tỷ giá		
USD/VND	26,398	-0.02%
EUR/VND	31,664	-0.06%
JPY/VND	179	-0.56%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.8%	0.00%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

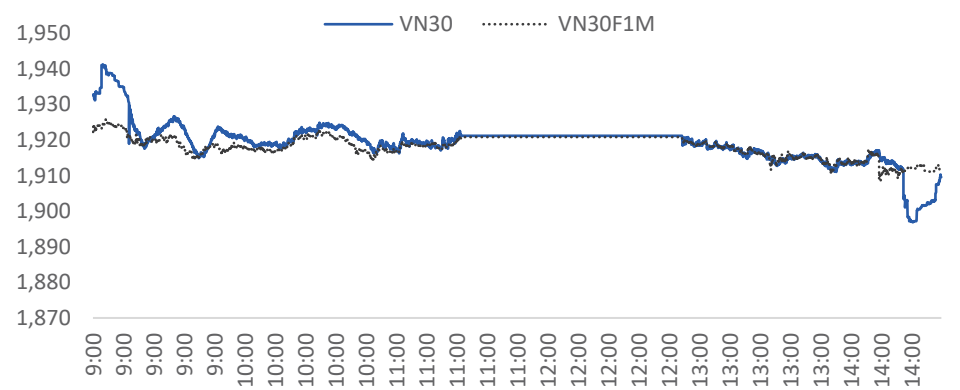
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1910.10	-0.36%	365	-74.1%	20/11/2025	44
41I1FA000	1911.30	-0.38%	212,073	-30.2%	16/10/2025	9
VN30F2512	1904.50	-0.44%	137	-63.8%	18/12/2025	72
41I1G3000	1881.20	-0.25%	69	-63.10%	19/03/2026	163

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -9.32 điểm, đóng cửa tại 1909.65 điểm. Biên độ dao động 44.37 điểm. Các cổ phiếu như STB, VPB, HPG, VNM, TCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm co khi cố vượt đỉnh cũ 1,918, cuối cùng kết phiên giảm nhẹ hơn 9 điểm; thanh khoản nằm dưới MA20. Xu hướng giảm co chiếm vị thế chủ đạo, khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng, chiến lược là Long/Short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CLPB2505	5/01/2026	90	255,600	4.27%	36.69	4,540	18.8%	4.11	54.85	52.60	52.60
CVNM2514	23/01/2026	108	5,900	7.36%	56.00	1,240	17.0%	0.86	65.92	61.40	61.40
CVPB2521	23/07/2026	289	4,300	8.82%	22.15	3,880	14.1%	3.36	33.79	31.05	31.05
CLPB2507	3/03/2026	147	26,900	6.71%	37.98	3,630	10.7%	3.16	56.13	52.60	52.60
CVIB2509	3/12/2025	57	100	12.94%	18.39	1,260	9.6%	0.65	22.81	20.20	20.20
CVNM2521	25/06/2026	261	51,500	33.71%	70.40	1,170	9.3%	0.22	82.10	61.40	61.40
CLPB2508	3/04/2026	178	46,100	6.71%	38.69	2,180	9.0%	1.94	56.13	52.60	52.60
CMWG2503	27/10/2025	20	194,500	1.36%	62.11	3,440	8.9%	3.26	79.06	78.00	78.00
CSTB2512	23/02/2026	139	100	5.16%	46.00	3,880	8.7%	3.54	61.52	58.50	58.50
CSHB2514	25/06/2026	261	34,400	40.28%	20.68	1,760	8.6%	0.66	24.20	17.25	17.25
CLPB2509	25/06/2026	261	13,200	31.28%	56.33	1,590	7.4%	0.79	69.05	52.60	52.60
CMWG2407	4/11/2025	28	4,572,100	0.91%	69.01	1,640	5.8%	1.61	78.71	78.00	78.00
CMWG2512	14/10/2025	7	320,600	0.29%	64.08	2,870	5.5%	2.84	78.22	78.00	78.00
CVRE2510	19/12/2025	73	600	2.83%	22.11	3,470	5.5%	3.28	35.99	35.00	35.00
CVHM2517	3/12/2025	57	9,500	5.08%	88.89	3,890	5.1%	3.11	108.34	103.10	103.10
CVRE2518	4/05/2026	209	2,200	12.45%	29.00	2,590	4.9%	1.95	39.36	35.00	35.00
CVIB2510	3/03/2026	147	5,400	18.47%	19.22	1,340	4.7%	0.70	23.93	20.20	20.20
CVRE2519	3/06/2026	239	10,900	14.97%	30.00	2,560	4.5%	1.84	40.24	35.00	35.00
CLPB2502	14/10/2025	7	12,500	-1.36%	34.47	3,740	4.5%	3.90	51.89	52.60	52.60
CHPG2504	27/10/2025	20	1,861,700	1.25%	24.15	3,130	4.3%	2.95	29.36	29.00	29.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 07/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CLPB2505 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 18.85%. CSTB2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.06%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CTPB2510, CFPT2502, CFPT2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	52.60	1.54%	1.63
MWG	78.00	0.52%	0.65
SSI	40.80	1.37%	0.55
VHM	103.10	0.39%	0.44
VIC	180.00	0.17%	0.41

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
STB	58.50	-2.17%	-1.62
VPB	31.05	-1.58%	-1.52
HPG	29.00	-0.68%	-1.20
VNM	61.40	-1.60%	-1.19
TCB	39.00	-1.02%	-1.10

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	86.60	6.91%	2.49	1.79
LPB	52.60	1.54%	0.56	2.99
VHM	103.10	0.39%	0.38	4.11
VIC	180.00	0.17%	0.28	3.88
SSI	40.80	1.37%	0.27	2.08

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	90.30	3.08%	0.57	0.30
BAB	13.80	2.22%	0.20	0.96
VIF	15.90	3.92%	0.15	0.35
CDN	31.40	2.61%	0.06	0.10
INN	48.00	7.14%	0.04	0.02

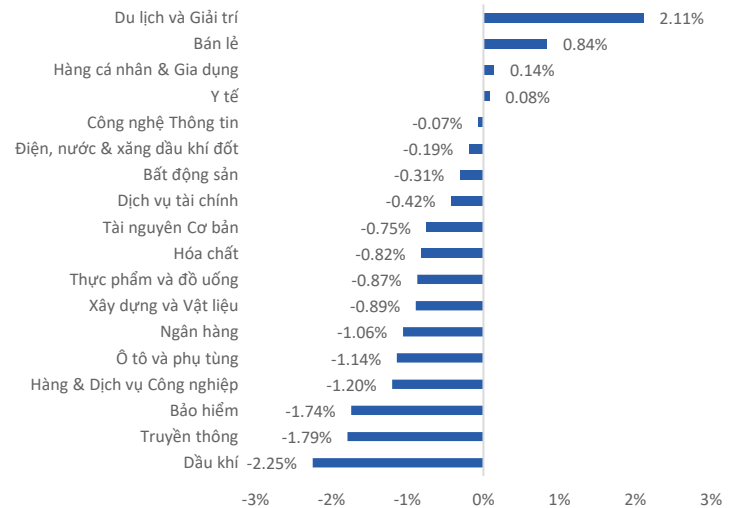
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
JVC	8.78	6.94%	0.02	1.30
VPL	86.60	6.91%	2.48	2.49
COM	33.00	6.45%	0.01	0.00
S4A	36.40	5.51%	0.02	0.00
SVC	21.00	5.00%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNC	54.90	9.80%	0.20	0.00
SDU	22.30	9.31%	0.15	0.00
MST	6.40	8.47%	0.17	6.11
THB	10.70	8.08%	0.04	0.00
INN	48.00	7.14%	0.34	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	51.60	-1.53%	-0.98	5.37
MBB	26.85	-1.83%	-0.92	8.05
VPB	31.05	-1.58%	-0.90	7.93
TCB	39.00	-1.02%	-0.65	7.09
BSR	26.40	-3.12%	-0.59	3.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	24.40	-3.94%	-0.37	0.57
NVB	14.80	-2.63%	-0.31	1.17
MBS	34.90	-1.97%	-0.27	0.57
SHS	26.30	-1.50%	-0.24	0.89
HUT	17.00	-1.16%	-0.14	1.07

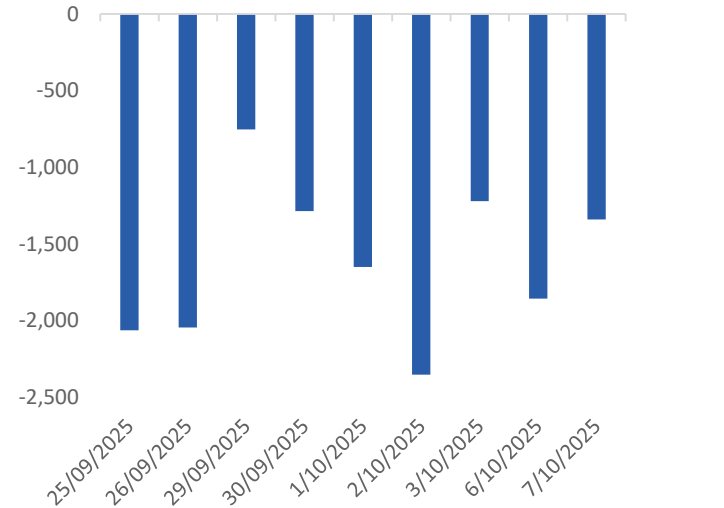
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.01	-6.82%	0.00	0.00
HID	3.62	-6.70%	0.00	0.69
TCD	1.83	-6.63%	-0.01	7.64
HSL	10.10	-6.48%	-0.01	0.75
FUCVREIT	8.30	-6.00%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GKM	3.80	-9.52%	-0.04	0.33
TTC	7.70	-8.33%	-0.01	0.00
SGD	21.50	-8.12%	-0.03	0.00
HBS	7.70	-7.23%	-0.07	0.18
VLA	9.20	-7.07%	-0.01	0.01

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.0	0.5%	1.3	114,728	650.6	3,304	23.5	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	-2.8%	1.2	33,903	143.8	1,835	19.6	46,000	11.6%	Link
KDH	Bất động sản	32.3	-2.3%	1.3	37,033	102.5	716	46.1	39,900	29.2%	Link
PDR	Bất động sản	22.8	-1.5%	1.4	22,634	272.8	177	130.8	28,200	9.1%	Link
VHM	Bất động sản	103.1	0.4%	1.0	421,831	686.1	6,984	14.7	92,000	9.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	95.5	0.0%	0.9	162,685	706.3	5,092	18.8	118,700	36.3%	Link
BSR	Dầu khí	26.4	-3.1%	0.0	84,489	128.1	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.0	-0.9%	1.4	15,438	80.3	2,644	12.2	42,800	9.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.6	-0.9%	1.4	30,077	265.5	1,202	23.2		35.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	40.8	1.4%	1.3	83,556	1841.4	1,568	25.7		36.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.6	-2.1%	1.1	32,156	395.5	1,368	32.5		25.6%	
DCM	Hóa chất	35.6	-2.1%	1.3	19,244	84.6	3,186	11.4	47,300	6.2%	Link
DGC	Hóa chất	93.0	0.2%	1.3	35,243	72.6	8,175	11.4	109,300	12.2%	Link
ACB	Ngân hàng	26.5	-1.3%	1.0	137,662	336.0	3,305	8.1	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	40.5	-0.6%	1.1	286,120	98.3	3,683	11.1	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.6	-1.5%	1.1	281,388	393.7	5,608	9.3	53,500	26.2%	Link
HDB	Ngân hàng	31.3	-0.6%	1.2	110,094	663.6	4,075	7.7	30,800	16.8%	Link
MBB	Ngân hàng	26.9	-1.8%	1.1	220,304	638.9	3,046	9.0	32,000	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	13.4	-1.1%	1.2	42,276	207.9	1,634	8.3	14,000	29.6%	Link
STB	Ngân hàng	58.5	-2.2%	0.9	112,736	458.6	6,148	9.7		17.8%	
TCB	Ngân hàng	39.0	-1.0%	1.1	279,198	520.8	3,017	13.1	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.4	-2.5%	1.3	52,443	246.0	2,423	8.2	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	63.7	-0.5%	0.8	534,763	285.9	4,148	15.4	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	20.2	-1.7%	0.9	69,952	219.6	2,218	9.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.1	-1.6%	1.1	250,315	834.3	2,193	14.4	35,600	24.2%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.0	-0.7%	1.1	224,124	1292.0	1,750	16.7	34,300	18.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.5	-1.6%	1.1	11,674	48.6	751	25.0	23,800	8.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.2	-1.5%	1.2	10,622	85.4	4,124	6.7	31,700	3.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	82.5	-0.6%	1.2	120,011	903.4	1,861	44.6	92,700	24.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.4	-1.6%	0.6	130,413	231.0	4,101	15.2	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.1	-1.68%	1.4	9,150	28.3	2,216	18.8	22.0%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	130.5	4.23%	1.1	21,322	112.5	3,163	39.6	30.1%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.4	-2.02%	1.2	40,457	24.0	3,278	16.6	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	22.1	-4.13%	1.3	14,868	364.5	211	108.8	4.3%	1.8%	
DXG	Bất động sản	20.6	-3.06%	1.3	21,651	381.5	350	60.8	22.3%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	34.7	-0.86%	1.0	6,242	83.7	482	72.7	4.9%	3.8%	
HDG	Bất động sản	31.5	-1.87%	1.4	11,876	54.0	540	59.5	18.6%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	38.1	-1.30%	1.4	14,649	58.3	3,977	9.7	15.0%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	39.3	-0.51%	1.3	15,210	113.2	1,709	23.1	43.9%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	54.9	-1.61%	1.1	13,510	13.1	5,215	10.7	3.4%	28.1%	
SZC	Bất động sản	33.2	-1.48%	0.9	6,066	32.1	1,978	17.0	2.6%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	22.1	-2.64%	1.3	19,719	119.5	1,114	20.4	10.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	180.0	0.17%	1.3	692,387	427.8	3,487	51.5	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	35.0	0.00%	1.1	79,531	458.8	1,937	18.1	16.7%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.7	-0.63%	1.2	8,449	11.7	1,700	23.5	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	33.9	-0.73%	0.8	43,391	30.5	1,661	20.6	15.7%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	21.1	-1.64%	1.0	11,896	64.5	1,428	15.0	3.6%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.1	-2.70%	1.4	12,855	64.1	1,348	27.5	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	34.9	-1.97%	1.7	23,450	221.0	1,499	23.7	5.5%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.9	0.16%	0.9	146,707	18.5	5,002	12.2	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	-1.04%	1.0	33,840	148.3	636	22.7	2.5%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.9	-0.15%	0.9	35,208	21.4	4,417	14.7	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	133.4	-0.67%	0.8	79,453	312.3	3,427	39.2	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.6	-1.09%	1.1	49,812	510.6	1,736	31.8	7.4%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.5	-2.21%	1.1	28,573	114.9	3,826	17.8	42.0%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.3	-2.64%	0.7	9,591	68.0	5,700	10.0	5.6%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	-1.65%	1.0	8,553	40.0	2,306	7.9	8.4%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	95.5	0.95%	0.0	11,521	21.4	3,317	28.5	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.9	0.83%	1.0	28,725	35.0	6,115	13.8	48.8%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.2	-1.35%	0.9	3,316	30.0	2,693	11.0	49.4%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.3	-1.53%	1.4	2,403	5.4	2,841	6.9	17.3%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	24.1	-2.24%	1.2	16,726	95.7	957	25.7	6.1%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.4	-0.73%	1.3	110,200	27.4	1,331	20.7	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	25.7	-2.47%	1.1	48,990	144.0	1,783	14.8	4.8%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	52.6	1.54%	0.5	154,741	137.7	3,324	15.6	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	14.9	-1.33%	0.0	25,821	25.8	2,260	6.7	1.4%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	12.9	-2.64%	1.0	35,285	43.6	1,130	11.7	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.3	-1.98%	1.1	7,900	124.1	666	26.5	6.4%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.2	-4.59%	1.4	8,414	111.8	1,871	16.9	4.6%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	-0.14%	0.8	10,641	66.1	1,981	17.7	3.3%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.0	-0.33%	1.0	59,190	35.6	3,185	14.5	58.3%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.6	-1.80%	1.2	12,480	44.4	6,444	8.6	19.8%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.6	0.07%	0.8	11,583	4.0	13,894	10.2	85.1%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.0	3.49%	1.2	8,429	249.2	4,565	18.2	48.0%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.1	0.36%	1.2	9,471	11.2	4,930	16.8	5.6%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.7	-2.56%	1.0	4,727	64.2	2,518	18.6	6.1%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.5	-0.96%	1.3	7,760	169.4	1,077	14.5	10.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.8	-1.98%	0.9	9,048	24.9	1,189	21.3	14.2%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	28.0	0.00%	1.1	18,101	477.8	1,195	23.4	8.0%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	54.1	-1.64%	1.2	24,659	22.9	3,343	16.5	5.8%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
2	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
4	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
7	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
12	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
13	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
14	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
26	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>